

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 177/TB-ĐHHD

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

**Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy
đợt 1 năm 2020 vào Trường Đại học Hồng Đức**

Thực hiện Công văn số 2669/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2020 về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành, nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2020; Thông báo số 57/TB-ĐHHD ngày 08/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2020 và kết quả họp HĐTS ngày 01/09/2020 Trường Đại học Hồng Đức thông báo mức điểm nhận ĐKXT các ngành trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy đợt 1 năm 2020, như sau:

TT	Mã ngành	Ngành	Mức điểm nhận ĐKXT				
			Sử dụng kết quả thi THPT			Sử dụng kết quả học THPT	
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
1	7140209CLC	ĐH Sư phạm Toán học CLC	Ko xét	Ko xét	24.0	Ko xét	
2	7140211CLC	ĐH Sư phạm Vật lý CLC	Ko xét	Ko xét	24.0	Ko xét	
3	7140217CLC	ĐH Sư phạm Ngữ văn CLC	Ko xét	Ko xét	24.0	Ko xét	
4	7140209	ĐH Sư phạm Toán học	17.0	18.0	18.5	24.0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên.
5	7140211	ĐH Sư phạm Vật lý	17.0	18.0	18.5	24.0	
6	7140212	ĐH Sư phạm Hóa học	17.0	18.0	18.5	24.0	
7	7140213	ĐH Sư phạm Sinh học	17.0	18.0	18.5	24.0	
8	7140217	ĐH Sư phạm Ngữ văn	21.0	18.0	18.5	24.0	
9	7140218	ĐH Sư phạm Lịch sử	21.5	24.0	18.5	24.0	
10	7140219	ĐH Sư phạm Địa lý	17.0	18.0	18.5	24.0	
11	7140231	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	17.0	18.0	18.5	24.0	
12	7140202	ĐH Giáo dục Tiểu học	19.95	19.0	18.5	24.0	
						M00=16	

TT	Mã ngành	Ngành	Mức điểm nhận ĐKXT				
			Sử dụng kết quả thi THPT			Sử dụng kết quả học THPT	
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
13	7140201	ĐH Giáo dục Mầm non	17.0	18.0	18.5	16.0	
14	7140206	ĐH Giáo dục Thể chất	17.0	18.0	17.5	13.0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên.
						10.0	Đối với các thí sinh dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0).
15	7340301	ĐH Kế toán	13.0	14.0	15.0	16.5	
16	7340101	ĐH Quản trị kinh doanh	13.0	14.0	15.0	16.5	
17	7340201	ĐH Tài chính-Ngân hàng	13.0	14.0	15.0	16.5	
18	7340302	ĐH Kiểm toán	13.0	14.0	15.0	16.5	
19	7380101	ĐH Luật	13.0	14.0	15.0	16.5	
20	7580201	ĐH Kỹ thuật xây dựng	13.0	14.0	15.0	16.5	
21	7520201	ĐH Kỹ thuật điện	13.0	14.0	15.0	16.5	
22	7480201	ĐH Công nghệ thông tin	13.0	14.0	15.0	16.5	
23	7620109	ĐH Nông học	13.0	14.0	15.0	16.5	
24	7620112	ĐH Bảo vệ thực vật	13.0	14.0	15.0	16.5	
25	7620201	ĐH Lâm học	13.0	14.0	15.0	16.5	
26	7620105	ĐH Chăn nuôi	13.0	14.0	15.0	16.5	
27	7850103	ĐH Quản lý đất đai	13.0	14.0	15.0	16.5	
28	7220201	ĐH Ngôn ngữ Anh	13.0	14.0	15.0	16.5	
29	7850101	ĐH QLTN và Môi trường	13.0	14.0	15.0	16.5	
30	7310301	ĐH Xã hội học	13.0	14.0	15.0	16.5	

TT	Mã ngành	Ngành	Mức điểm nhận ĐKXT				
			Sử dụng kết quả thi THPT			Sử dụng kết quả học THPT	
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
31	7310630	ĐH Việt Nam học	13.0	14.0	15.0	16.5	
32	7810101	ĐH Du lịch	13.0	14.0	15.0	16.5	
33	7310101	ĐH Kinh tế	13.0	14.0	15.0	16.5	
34	51140201	CĐ Giáo dục Mầm non	15.0	16.0	16.5	13.0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên.

Ghi chú:

- Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT năm 2018, 2019, 2020 là **tổng điểm 3 môn thi** (không nhân hệ số ở tất cả các tổ hợp, không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống) và áp dụng cho thí sinh là học sinh phổ thông thuộc khu vực 3;

Mức chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (không phải hai lăm điểm) đối với thang điểm 10.

Đối với ngành đào tạo giáo viên chất lượng cao, tính theo tổng điểm 3 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đạt từ 24.0 trở lên (không có môn nào dưới 5,0 điểm) và môn chủ chốt của ngành đào tạo đạt từ 8.0 điểm trở lên (môn Toán đối với SP Toán, môn Vật lý đối với SP Vật lý, môn Ngữ văn đối với SP Ngữ văn).

Ở các ngành có tổ hợp xét tuyển chứa môn thi năng khiếu phải đảm bảo:

+ Năm 2018: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 11,33 điểm; CĐ: 10,00 điểm);

+ Năm 2019: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,00 điểm; CĐ: 10,67 điểm)

+ Năm 2020: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,33 điểm; CĐ: 11,00 điểm).

- Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả học tập THPT: là tổng điểm trung bình của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) không tính điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng.

Các ngành GDTC, GDMN và khối M00 của GDTH mức điểm nhận ĐKXT là tổng điểm trung bình của 2 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và yêu cầu điểm thi năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên.

Chi tiết liên hệ: **Phòng QLĐT-Trường ĐH Hồng Đức, số 565 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, điện thoại: 02373.910.619.**

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (đề bc);

- Lưu: VT, QLĐT, HĐT



Hoàng Nam

